

QUY CHẾ

Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Xây dựng

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng 5 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là KH&CN) cấp Bộ của Bộ Xây dựng, bao gồm: xác định nhiệm vụ KH&CN; lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện; kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, xác nhận và công bố kết quả của các nhiệm vụ KH&CN.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc triển khai và thực hiện các nhiệm vụ KH&CN do Bộ Xây dựng quản lý, được quy định cụ thể tại Điều 4 của Quy chế này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình KH&CN cấp Bộ* là hoạt động KH&CN cấp Bộ nhằm giải quyết những vấn đề KH&CN phục vụ phát triển, ứng dụng KH&CN trung hạn hoặc dài hạn, được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài KH&CN, dự án KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm.

2. *Đề tài KH&CN cấp Bộ* là hoạt động KH&CN có nội dung chủ yếu là nghiên cứu khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

3. *Đề án khoa học cấp Bộ* là hoạt động KH&CN nhằm mục tiêu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

4. *Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ* là hoạt động KH&CN phù hợp với

phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp KH&CN, các mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử sản phẩm mới ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện chúng trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

5. *Dự án KH&CN cấp Bộ* là hoạt động KH&CN giải quyết các vấn đề KH&CN chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ ngành Xây dựng, được triển khai dưới hình thức đề tài KH&CN có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

6. *Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia* là hoạt động dịch vụ KH&CN, liên quan đến xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn quốc gia; xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

7. *Thông tin khoa học công nghệ* là hoạt động dịch vụ KH&CN, liên quan đến thu thập, xử lý, phân tích, lưu giữ, tìm kiếm, phổ biến, sử dụng, chia sẻ và chuyển giao thông tin KH&CN và các hoạt động khác có liên quan.

8. *Đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN* là việc Bộ trưởng Bộ Xây dựng đưa ra yêu cầu về sản phẩm KH&CN, cấp kinh phí để tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN nghiên cứu, tạo ra sản phẩm KH&CN thông qua hợp đồng.

9. *Nhiệm vụ KH&CN đột xuất* là nhiệm vụ cấp bách do Lãnh đạo Bộ yêu cầu thực hiện ngay, nhằm giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý ngành.

Điều 4. Các nhiệm vụ KH&CN của Bộ Xây dựng

1. Chương trình KH&CN; Đề án khoa học; Đề tài KH&CN; Dự án sản xuất thử nghiệm và Dự án KH&CN.

2. Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

3. Thông tin khoa học công nghệ.

Điều 5. Nguyên tắc chung thực hiện các nhiệm vụ KH&CN

1. Xác định và phê duyệt kế hoạch phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN.

Các nhiệm vụ KH&CN của Bộ Xây dựng được thực hiện thông qua các hoạt động, bao gồm:

a) Nhiệm vụ KH&CN được xác định hằng năm trên cơ sở các nhiệm vụ do Đảng, Quốc hội và Chính phủ giao; chiến lược, chương trình và kế hoạch KH&CN của ngành; được Lãnh đạo Bộ, các Cục, Vụ chức năng đặt hàng hoặc do các tổ chức, cá nhân đề xuất.

b) Danh mục các nhiệm vụ KH&CN để lựa chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện được xin ý kiến (điều chỉnh, bổ sung, thống nhất danh mục) các Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực. Sau đó, Vụ KHCNMT&VLXD rà soát, tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt.

Việc lựa chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện; phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được các Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực phê duyệt. Sau đó, Vụ KHCNMT&VLXD tổng hợp, dự thảo Kế hoạch KH&CN trình Thứ trưởng phụ trách công tác KH&CN xem xét, gửi theo hướng dẫn Bộ Khoa học và Công nghệ **trước ngày 30/6 của năm trước năm kế hoạch.**

c) Căn cứ thông báo phân bổ dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Tài chính, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng (sau đây gọi tắt là Vụ KHCNMT&VLXD) xây dựng kế hoạch phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN gửi Vụ Kế hoạch – Tài chính (sau đây gọi tắt là Vụ KH-TC) tổng hợp, tham mưu Bộ trưởng giao dự toán chi tiết.

2. Ký hợp đồng, kiểm tra, đánh giá và nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN.

a) Ký hợp đồng thực hiện: Các nhiệm vụ KH&CN được thực hiện thông qua việc ký kết hợp đồng KH&CN.

b) Kiểm tra và đánh giá việc thực hiện: Vụ KHCNMT&VLXD chủ trì, tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN về nội dung nghiên cứu, tiến độ thực hiện và sử dụng kinh phí. Trong trường hợp cần thiết có thể đề xuất Lãnh đạo Bộ xem xét, điều chỉnh nội dung nghiên cứu, tiến độ, kinh phí thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng và thu hồi kinh phí theo quy định.

c) Tổ chức nghiệm thu: Sản phẩm của các nhiệm vụ KH&CN khi kết thúc phải được đánh giá, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng theo quy định.

3. Việc xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN; lựa chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện; đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN được thực hiện thông qua các Hội đồng tư vấn KH&CN được quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

4. Nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện theo các quy định tại Chương II của Quy chế này.

5. Đối với nhiệm vụ KH&CN đột xuất theo yêu cầu của Lãnh đạo Bộ hoặc trên cơ sở đề xuất của các Cục, Vụ chức năng được Bộ trưởng đồng ý chủ trương sẽ được bổ sung ngay vào danh mục các nhiệm vụ KH&CN để tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp theo quy trình và được ưu tiên bố trí kinh phí, giao trực tiếp cho các

cơ quan chủ trì thực hiện.

6. Các hoạt động triển khai các bước của quy trình trên được thực hiện theo các biểu mẫu tương ứng tại phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 6. Hội đồng tư vấn KH&CN của Bộ Xây dựng

Các Hội đồng tư vấn KH&CN của Bộ Xây dựng bao gồm: Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN; Hội đồng tư vấn lựa chọn tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN; Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

1. Nhiệm vụ của Hội đồng

a) Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN: Tư vấn xác định tên, mục tiêu, nội dung chính, sản phẩm dự kiến đạt được và hình thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) của từng nhiệm vụ KH&CN.

b) Hội đồng tư vấn lựa chọn tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN: Tư vấn lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thực hiện nhiệm vụ theo quy định, thẩm định thuyết minh đề cương, dự kiến kinh phí thực hiện của từng nhiệm vụ KH&CN.

c) Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN: Đánh giá, phân loại và nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

2. Cơ cấu của Hội đồng

Hội đồng tư vấn KH&CN có tối thiểu từ 05 thành viên, gồm: 01 chủ tịch hội đồng; 01 phó chủ tịch hội đồng (nếu cần); 01 thư ký khoa học và các ủy viên (trong đó có tối thiểu 02 ủy viên phản biện).

Thành viên của Hội đồng là nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ; Thư ký khoa học là chuyên viên của Vụ KHCNMT&VLXD.

Trường hợp đặc biệt, theo tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù, Lãnh đạo Bộ Xây dựng quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng.

Giúp việc cho Hội đồng có thư ký hành chính để tổng hợp, chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Hội đồng. Thư ký hành chính là chuyên viên Vụ KHCNMT&VLXD. Ủy viên thư ký hành chính có thể kiêm thư ký khoa học.

3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng

a) Hội đồng tư vấn KH&CN làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

Phiên họp Hội đồng chỉ được tiến hành khi có không dưới 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch được uỷ quyền, 02 uỷ viên phản biện và uỷ viên thư ký khoa học. Ý kiến của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo.

Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi có trên 2/3 số phiếu thành viên của hội đồng có mặt nhất trí.

Thành viên hội đồng có thể đề xuất bổ sung nhiệm vụ KH&CN để hội đồng xem xét và bỏ phiếu tại cuộc họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN.

b) Hội đồng tư vấn KH&CN có thể họp bằng phương thức trực tiếp, trực tuyến, trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc trong trường hợp đặc biệt (sự cố về thiên tai, dịch bệnh, nhiệm vụ đột xuất, ...) có thể xin ý kiến bằng phiếu đánh giá. Phương thức họp do Chủ tịch Hội đồng quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

c) Hội đồng tư vấn KH&CN cho điểm, đánh giá, xếp loại theo các biểu mẫu tương ứng tại phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Chương II

QUẢN LÝ CÁC NHIỆM VỤ (CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN/DỰ ÁN) KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 7. Căn cứ đề xuất và xác định nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ đề xuất

a) Yêu cầu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Bộ Xây dựng; Chiến lược phát triển KH&CN ngành của Bộ Xây dựng; Chương trình phối hợp giữa Bộ Xây dựng và các bộ, ngành.

b) Nhiệm vụ xuất phát từ thực tiễn do các tổ chức, cá nhân đề xuất.

2. Thời gian đề xuất và xác định nhiệm vụ KH&CN

a) Định kỳ hàng năm, căn cứ các quy định tại khoản 1 điều này, Bộ Xây dựng hướng dẫn xây dựng kế hoạch KH&CN, thông báo và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

Hồ sơ đề xuất nhiệm vụ KH&CN gồm: Văn bản và phụ lục đề xuất các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ theo mẫu được quy định tại phụ lục kèm theo Quy chế này.

b) Tổ chức họp Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

Điều 8. Quy trình và phê duyệt lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Bộ Xây dựng thông báo danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ để tuyển chọn, giao trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng ít nhất trước 15 ngày làm việc, tính đến ngày hết hạn nhận hồ sơ.

2. Hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN bao gồm:

- a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ;
- b) Thuyết minh và dự toán chi tiết nhiệm vụ theo một trong các mẫu tương ứng với các loại nhiệm vụ khác nhau tại phụ lục của Quy chế;
- c) Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ;
- d) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm (có xác nhận của cơ quan quản lý), các cá nhân là thành viên nghiên cứu chính và các chuyên gia (nếu có);
- đ) Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức phối hợp (nếu có) thực hiện nhiệm vụ;
- e) Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực khoa học công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác (nếu có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác);
- g) Đối với dự án sản xuất thử nghiệm có kinh phí ngoài ngân sách: văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học (báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng; cam kết về việc đóng góp vốn của tổ chức chủ trì và các tổ chức tham gia dự án);
- h) Báo giá tài sản, thiết bị, nguyên vật liệu cần mua sắm để thực hiện nhiệm vụ (trong trường hợp thuyết minh nhiệm vụ có nội dung mua, thuê tài sản, trang thiết bị, nguyên vật liệu) trong đó thời gian báo giá không quá 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Tài liệu này chỉ nộp trong trường hợp hồ sơ được Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN kiến nghị trúng tuyển theo quy định.

i) Tài liệu liên quan khác (nếu có).

3. Yêu cầu đối với Hồ sơ:

- a) Hồ sơ sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode phải được định dạng pdf (ký, đóng dấu trực tiếp hoặc ký bằng chữ ký điện tử);
- b) Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp và gửi theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Bộ Xây dựng.
- c) Các tài liệu quy định tại Khoản 2 có thể là bản gốc, bản chính, bản sao có

chứng thực hoặc bản sao y theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

d) Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc thay hồ sơ mới, bổ sung hồ sơ phải được thể hiện bằng văn bản và hoàn tất trong thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

4. Tổng hợp hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

Vụ KHCNMT&VLXD có trách nhiệm rà soát, kiểm kê các tài liệu nhận được của từng hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp; tổng hợp kết quả để gửi Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN.

5. Tổ chức họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

6. Căn cứ kết quả họp Hội đồng, Bộ Xây dựng thông báo kết quả lựa chọn và hướng dẫn tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

Các tổ chức, cá nhân được giao có trách nhiệm phải hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ KH&CN đáp ứng các ý kiến của hội đồng; đồng thời gửi Hồ sơ sau hoàn thiện về Vụ KHCNMT&VLXD để tổ chức thẩm định kinh phí.

Hồ sơ sau hoàn thiện bao gồm: Báo cáo tiếp thu, chỉnh sửa nội dung thuyết minh đáp ứng các ý kiến của Hội đồng tư vấn KH&CN (đã được xác nhận của Lãnh đạo tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ và 02 uỷ viên phản biện của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN) và Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN đã được hoàn thiện. Hồ sơ nộp về Bộ Xây dựng qua Vụ KHCNMT&VLXD gồm 1 bản cứng và 01 bản điện tử.

7. Sau khi nhận đủ hồ sơ hoàn thiện, Vụ KHCNMT&VLXD tham mưu tổ chức thẩm định kinh phí theo quy định tại khoản 10 Điều 8.

8. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản của Tổ thẩm định, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến nêu tại biên bản, giải trình chi tiết kết luận của Tổ thẩm định và gửi về Bộ Xây dựng sau khi có xác nhận đã tiếp thu ý kiến Tổ trưởng Tổ thẩm định và đại diện Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp tham gia Tổ thẩm định. Trường hợp quá 10 ngày làm việc tổ chức chủ trì không gửi hồ sơ đã được hoàn thiện thì sẽ dừng thực hiện nhiệm vụ, xem xét trách nhiệm và chuyển năm sau (nếu cấp thiết).

9. Sau khi nhận được hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hoàn

thiện theo ý kiến Tổ thẩm định, Vụ KHCNMT&VLXD rà soát trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, lập báo cáo kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN, tham mưu trình Thủ trưởng phụ trách lĩnh vực ban hành Quyết định phê duyệt thuyết minh và dự toán chi tiết nhiệm vụ.

10. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ KH&CN

a) Vụ KHCNMT&VLXD tham mưu trình Lãnh đạo Bộ thành lập Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) gồm 03 - 05 thành viên: Tổ trưởng Tổ thẩm định là đại diện của Vụ KHCNMT&VLXD; Tổ phó Tổ thẩm định là đại diện của Vụ Kế hoạch - Tài chính; Ít nhất 01 đại diện của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp.

Vụ KHCNMT&VLXD cử công chức làm thư ký hành chính, có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu, giúp việc cho Tổ thẩm định. Ngoài ra, theo yêu cầu thực tiễn, Tổ trưởng Tổ thẩm định có thể mời thêm đại diện các tổ chức, cá nhân khác có liên quan (chuyên gia) tham dự và cho ý kiến tại cuộc họp của Tổ thẩm định.

b) Nhiệm vụ của Tổ thẩm định:

- Rà soát lại nội dung chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và nội dung chỉnh sửa khác (nếu có).

- Đánh giá sự phù hợp của dự toán kinh phí so với: Các nội dung nghiên cứu theo kết luận của Hội đồng tư vấn và các nội dung chỉnh sửa khác (nếu có); Thời gian cần thiết để thực hiện; Các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi hiện hành; Thuyết minh chi tiết về các nội dung công việc chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi.

- Đánh giá khả năng đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước và phương án huy động của tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ (nếu có); các hồ sơ tài liệu phải bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết).

- Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

c) Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định: Phải có mặt đủ các thành viên; Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp. Có kết luận tập thể về nội dung thẩm định. Các ý kiến của thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định được bảo lưu và ghi rõ trong Biên bản.

d) Trách nhiệm của Tổ thẩm định

- Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định. Các thành viên Tổ thẩm định, chuyên gia (nếu có) có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định;

- Tổ thẩm định báo cáo bằng văn bản với Bộ trưởng Bộ Xây dựng và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết, phát sinh trong quá trình thẩm định hồ sơ nhiệm vụ để xem xét, quyết định;

- Tổ thẩm định bầu một thành viên của Tổ làm Thư ký Tổ thẩm định để tổng hợp biên bản họp thẩm định nội dung, kinh phí nhiệm vụ KH&CN theo mẫu tại phụ lục kèm theo Quy chế này.

Điều 9. Ký hợp đồng và điều chỉnh hợp đồng

1. Ký hợp đồng: Hợp đồng được ký trong quý I của năm thực hiện kế hoạch. Hiệu lực hợp đồng không quá 24 tháng. Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

2. Điều chỉnh hợp đồng

a) Vụ KHCNMT&VLXD rà soát, trình Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực xem xét, quyết định điều chỉnh về: tên nhiệm vụ, tổ chức chủ trì, tổng kinh phí, thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ và ý kiến của Vụ KHCNMT&VLXD.

Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ phải trước thời hạn kết thúc hợp đồng, chỉ được thực hiện 01 lần và không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên, không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định.

b) Đơn vị chủ trì được điều chỉnh các nội dung theo quy định tại Điều 10 của Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015. Trường hợp có sự thay đổi về thư ký và các thành viên chính, thành viên tham gia nhiệm vụ, tổ chức chủ trì được phép điều chỉnh bằng Quyết định và có văn bản báo cáo Bộ Xây dựng.

c) Vụ trưởng Vụ KHCNMT&VLXD rà soát và ký văn bản về việc điều chỉnh các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì, trừ các nội dung quy định tại điểm a và điểm b Khoản 2 Điều này.

Điều 10. Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng đến mục tiêu,

nội dung, tiến độ, kết quả của các nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt. Hằng năm, **trước ngày 31/3** gửi báo cáo về Bộ Xây dựng về tình hình thực hiện và tiến độ giải ngân kinh phí, nêu rõ những vướng mắc khó khăn và kiến nghị (nếu có) trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN.

2. Vào Quý II (theo nhu cầu) và định kỳ Quý IV hằng năm, Bộ Xây dựng tổ chức Đoàn kiểm tra định kỳ hoạt động KH&CN. Thành phần đoàn kiểm tra đánh giá: Vụ KHCNMT&VLXD, đại diện Vụ KH-TC và các đơn vị liên quan hoặc chuyên gia theo lĩnh vực (nếu cần thiết); trường hợp đột xuất sẽ thông báo cho tổ chức chủ trì trước 03 ngày làm việc.

Đoàn kiểm tra định kỳ, xem xét khối lượng công việc hoàn thành và tình hình sử dụng kinh phí làm cơ sở tiếp tục cấp hoặc dừng cấp kinh phí theo quy định hiện hành. Trong trường hợp phát sinh khó khăn vướng mắc hoặc có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, Bộ trưởng Bộ Xây dựng giao Vụ KHCNMT&VLXD phối hợp với các cơ quan có chức năng của Bộ kiểm tra, đánh giá để xử lý theo quy định pháp luật, bao gồm cả việc đình chỉ, kỷ luật và dừng thực hiện hợp đồng.

4. Nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm: Nội dung, khối lượng công việc; Tiến độ thực hiện; Tình hình sử dụng kinh phí và các nội dung khác theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

5. Kết quả kiểm tra: Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp kết quả, đề xuất phương án xử lý. Kết quả kiểm tra là căn cứ để Bộ Xây dựng xem xét việc đình chỉ hoặc tiếp tục triển khai thực hiện, điều chỉnh bổ sung và thanh lý hợp đồng.

Điều 11. Tự đánh giá, nghiệm thu kết quả

1. Kết thúc nhiệm vụ KH&CN, tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá, tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ (sản phẩm của nhiệm vụ, sản phẩm trung gian, các chuyên đề, ...) trước khi nộp hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ. Việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được vận dụng các quy định đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ của Quy chế này.

2. Hồ sơ tự đánh giá, nghiệm thu gồm: Quyết định thành lập hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở; biên bản họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở; nhận xét của các thành viên hội đồng (nếu có); Bản tiếp thu ý kiến Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở của tổ chức chủ trì.

3. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Xây dựng, các cơ quan kiểm toán, thanh tra, thuế và các cơ quan khác có liên quan về kết quả nghiệm thu sản phẩm của nhiệm vụ, các sản phẩm trung gian, chuyên đề, hồ sơ

chứng từ giải ngân, thanh quyết toán và các hồ sơ khác liên quan đến nhiệm vụ.

Điều 12. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN nộp hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu trước thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm nộp hồ sơ nghiệm thu cấp Bộ được phê duyệt trong thuyết minh nhiệm vụ (bao gồm cả thời gian gia hạn) tùy thuộc vào điều kiện nào đến trước.

2. Hồ sơ nghiệm thu cấp Bộ gồm: Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ của tổ chức chủ trì; Sản phẩm của nhiệm vụ theo hợp đồng; Hồ sơ tự đánh giá, nghiệm thu của tổ chức chủ trì; Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí; Phương án xử lý tài sản (nếu có); Các tài liệu khác liên quan (nếu có). Hồ sơ nộp bằng bản cứng và bản điện tử về Bộ Xây dựng.

3. Vụ KHCNMT&VLXD kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ nghiệm thu cấp Bộ:

a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không đúng quy định: Vụ KHCNMT&VLXD có văn bản thông báo cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định: Vụ KHCNMT&VLXD dự thảo quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt.

Điều 13. Đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ

1. Hội đồng khoa học tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học công nghệ được thành lập theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

Sau khi có Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ và đầy đủ ý kiến của các ủy viên phản biện (ủy viên phản biện cho ý kiến phản biện không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ), Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ tiến hành họp.

2. Yêu cầu đánh giá của Hội đồng

a) Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua phiếu đánh giá;

b) Các thành viên Hội đồng đánh giá độc lập, không trao đổi về kết quả đánh giá của cá nhân;

c) Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu đánh giá đúng quy định cho từng nội dung đánh giá;

d) Phiếu không hợp lệ là phiếu do thành viên bỏ trống hoặc đánh giá không theo quy định;

đ) Kết quả xếp loại chung của nhiệm vụ dựa trên kết quả tổng hợp đánh giá

của từng thành viên Hội đồng theo quy định;

e) Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo, thành viên vắng mặt không được quyền đánh giá, xếp loại.

3. Nội dung đánh giá và yêu cầu đối với sản phẩm

a) Đánh giá về chủng loại sản phẩm; số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm với tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm so với đặt hàng;

b) Đánh giá về tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và logic của báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và các tài liệu kèm theo;

c) Đánh giá về khả năng ứng dụng/sử dụng và chuyển giao của sản phẩm;

d) Yêu cầu đối với báo cáo tổng hợp thực hiện bao gồm: Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ; số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật; nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu được trình bày theo kết cấu hệ thống và logic khoa học; các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ, phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học; kết cấu nội dung hợp lý, văn phong khoa học.

đ) Yêu cầu đối với sản phẩm

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ cấp Bộ cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

Đối với sản phẩm là mẫu; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ và các sản phẩm có thể đo kiểm phải được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ;

Đối với sản phẩm là nguyên lý ứng dụng; phương pháp; quy định kỹ thuật; bản vẽ thiết kế; phần mềm ứng dụng; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác phải chính xác, trung thực.

4. Biên bản họp Hội đồng phải có đầy đủ chữ ký của Chủ tịch và Thư ký hội đồng. Vụ KHCNMT&VLXD gửi biên bản họp Hội đồng cho tổ chức chủ trì trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Điều 14. Xử lý kết quả nghiệm thu cấp Bộ

1. Trường hợp kết quả nhiệm vụ KH&CN được đánh giá xếp loại ở mức “Đạt” trở lên:

a) Trong thời hạn 30 ngày làm việc từ thời điểm Vụ KHCNMT&VLXD gửi

biên bản họp Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp Bộ, chủ nhiệm nhiệm vụ lập báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu, hoàn thiện báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các sản phẩm, các tài liệu liên quan và nộp về Bộ Xây dựng qua Vụ KHCNMT&VLXD;

b) Vụ KHCNMT&VLXD chủ trì giám sát việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu. Lãnh đạo Vụ KHCNMT&VLXD xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ.

2. Trường hợp kết quả đánh giá nhiệm vụ xếp loại ở mức “Không đạt”:

a) Hội đồng đánh giá, nghiệm thu có kiến nghị gia hạn; tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ phải có văn bản đề nghị gia hạn thời gian thực hiện (kèm theo hồ sơ, biên bản đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ và phương án xử lý) trình Bộ Xây dựng;

b) Sau thời gian gia hạn, việc đánh giá lại được thực hiện theo quy định tại Điều này nhưng không quá 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ KH&CN. Trong trường hợp đánh giá, nghiệm thu lại lần 02 mà nhiệm vụ vẫn “Không đạt” thì sẽ đình chỉ thực hiện và chấm dứt hợp đồng theo quy định của Quy chế này, đồng thời Vụ KHCNMT&VLXD chủ trì, phối hợp với Vụ KH-TC và các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

3. Căn cứ kết quả họp (Không đạt) của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp Bộ, Vụ KHCNMT&VLXD tổng hợp, báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực được phân công xem xét, xử lý theo quy định.

Việc hoàn trả kinh phí trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đạt được kết quả cuối cùng như dự kiến được thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị định 88/2025/NĐ-CP).

4. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ tiến hành các thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ để bảo hộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

Điều 15. Đăng ký, lưu giữ, công bố, chuyển giao sản phẩm và ứng dụng kết quả nghiên cứu

1. Đăng ký, lưu giữ, chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp Bộ

Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc sau khi Vụ KHCNMT&VLXD xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ đăng ký,

lưu giữ và chuyển giao kết quả nhiệm vụ tại:

a) Cục Thông tin KH&CN quốc gia – Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN và Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 14/2014/tt-bkhn ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28/6/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

b) Đơn vị ứng dụng các kết quả nhiệm vụ theo thuyết minh được phê duyệt. Hồ sơ giao nộp gồm (01 bản giấy và bản điện tử): Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ, Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ. Phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Các sản phẩm khác theo hợp đồng.

Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001). Bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được sao lưu vào USB và không được đặt mật khẩu. Việc chuyển giao sản phẩm này được lập thành Biên bản chuyển giao.

c) Trung tâm Công nghệ thông tin – Bộ Xây dựng: Hồ sơ giao nộp được tiếp nhận trực tuyến tại trang thông tin điện tử của Vụ KHCNMT&VLXD bao gồm: Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN của Bộ KH&CN định dạng pdf sử dụng chữ ký số hoặc bản scan màu định dạng pdf; các sản phẩm theo quy định của điểm b khoản này; một tóm tắt nhiệm vụ gồm: tên nhiệm vụ, mục tiêu nhiệm vụ, kết quả chính, từ khóa để tra cứu (không quá 1 trang A4). Việc chuyển giao sản phẩm này được lập thành Biên bản chuyển giao.

d) Vụ KHCNMT&VLXD: 01 bộ hồ sơ như quy định tại mục b khoản 1 Điều này; giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước của Cục Thông tin KH&CN quốc gia - Bộ KH&CN cấp; 01 biên bản giao nhận hồ sơ cho Trung tâm Công nghệ thông tin của Bộ cấp; 01 bản điện tử Biên bản chuyển giao kết quả nghiên cứu cho đơn vị ứng dụng các kết quả của nhiệm vụ theo thuyết minh được phê duyệt; các sản phẩm khác theo hợp đồng quy định.

2. Bộ Xây dựng công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên Cổng thông tin điện tử của Bộ qua Trung tâm Công nghệ thông tin.

3. Ứng dụng kết quả nghiên cứu

a) Hằng năm Tổ chức chủ trì nhiệm vụ báo cáo về việc ứng dụng kết quả nghiên cứu nhiệm vụ gửi về Bộ Xây dựng.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu tiếp nhận, ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN cần có đơn đề nghị giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu gửi Bộ Xây dựng để được xem xét chuyển giao kết quả nghiên cứu và xem xét hỗ trợ kinh phí triển khai ứng dụng theo đúng quy định..

Điều 16. Quyết toán, thanh lý hợp đồng, Quyền sở hữu, quản lý, sử dụng đối với kết quả nghiên cứu và xử lý tài sản

1. Quyết toán kinh phí được thực hiện sau khi sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng tư vấn cấp Bộ đánh giá, nghiệm thu. Việc quyết toán, xét duyệt quyết toán và các nội dung khác được thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Thanh lý hợp đồng giữa các bên tham gia ký hợp đồng được tiến hành sau khi có kết quả nghiệm thu cấp Bộ, hồ sơ sản phẩm hoàn thiện được bàn giao Vụ KHCNMT&VLXD, Trung tâm Công nghệ thông tin (bản điện tử) và xác nhận hoàn thành nhiệm vụ của Bộ và trong thời gian không quá ba (03) tháng kể từ ngày Hợp đồng hết thời hạn.

3. Vụ KHCNMT&VLXD chủ trì tổ chức đánh giá, kiểm kê sản phẩm, tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có). Vụ KH-TC chủ trì thẩm định, báo cáo Lãnh đạo Bộ phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định. Quyền sở hữu, quản lý, sử dụng đối với kết quả nghiên cứu và xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 88/NĐ-CP và các quy định khác liên quan.

Chương III

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Điều 17. Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn

1. Định kỳ quý I hằng năm trước năm kế hoạch, Bộ Xây dựng thông báo tới các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn.

Vụ KHCNMT&VLXD có trách nhiệm rà soát, tổng hợp và tham mưu cho Lãnh đạo Bộ trong việc xác định danh mục xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn hàng năm.

Vụ KHCNMT&VLXD rà soát và đề xuất danh mục nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn xin ý kiến các Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực trước khi trình Bộ trưởng phê duyệt.

2. Vụ KHCNMT&VLXD có trách nhiệm tham mưu Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực phê duyệt các dự án xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn hằng năm.

Điều 18. Tổ chức xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn

1. Việc tổ chức xây dựng tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện theo các quy trình của Thông tư số 11/2021/TT-BKHCN ngày 18/11/2021 của Bộ KH&CN quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.

2. Việc tổ chức xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện theo các quy trình của Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ KH&CN quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và Thông tư số 10/2023/TT-BKHCN ngày 01/6/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

Chương IV

QUẢN LÝ THÔNG TIN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Điều 19. Cơ sở đề xuất, nguyên tắc và các loại hình thông tin KH&CN

1. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của các tổ chức khoa học công lập, các trường cao đẳng nghề, các trường đại học trực thuộc Bộ Xây dựng; các hội nghề nghiệp có liên quan.

2. Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của các tổ chức khoa học công nghệ và thông tin xuất bản, đặt hàng của Lãnh đạo Bộ và các cục, vụ chức năng.

3. Nguyên tắc và các loại hình hoạt động thông tin KH&CN được quy định tại Điều 5 của Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ.

4. Danh mục nhiệm vụ thông tin KH&CN; Đề cương và dự toán chi tiết thực hiện; Kế hoạch phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ thông tin KH&CN được tổng hợp, báo cáo Thứ trưởng phụ trách công tác KH&CN phê duyệt.

Điều 20. Trình tự xét duyệt, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, kiểm tra, nghiệm thu, quyết toán, thanh lý hợp đồng và xử lý tài sản.

Áp dụng các Điều 5, Điều 6 tại Chương I và các Điều tại Chương II của Quy chế này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của Lãnh đạo Bộ Xây dựng

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng:

a) Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN để tuyển chọn, giao trực tiếp; Phê duyệt kế hoạch phân bổ hoặc điều chỉnh kế hoạch phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN hằng năm;

b) Quyết định việc đình chỉ, thu hồi kinh phí và xử lý tài sản hình thành từ các nhiệm vụ KH&CN.

c) Quyết định việc thành lập các hội đồng tư vấn KH&CN do Thứ trưởng là Chủ tịch Hội đồng.

2. Thứ trưởng được Bộ trưởng phân công quản lý công tác KH&CN ngành Xây dựng:

a) Thực hiện các nội dung được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ủy quyền tại khoản 1 Điều này;

b) Chỉ đạo xây dựng, định hướng trọng tâm công tác KH&CN hằng năm;

c) Chỉ đạo xây dựng danh mục nhiệm vụ KH&CN để tuyển chọn, giao trực tiếp và danh mục tổng hợp kế hoạch phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN hằng năm trước khi trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt;

đ) Phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo lĩnh vực được phân công theo dõi hoặc ủy quyền Lãnh đạo Vụ Khoa học công nghệ và môi trường phê duyệt;

e) Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt các nhiệm vụ: Quản lý KH&CN; Thông tin KH&CN và các hoạt động khác có liên quan;

g) Quyết định điều chỉnh các nội dung có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực được phân công theo dõi hoặc ủy quyền Lãnh đạo Vụ Khoa học công nghệ và môi trường quyết định điều chỉnh;

h) Quyết định việc thành lập các hội đồng tư vấn KH&CN và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo lĩnh vực được phân công.

3. Thứ trưởng được Bộ trưởng được phân công theo dõi lĩnh vực

a) Định hướng nhiệm vụ KH&CN ưu tiên thực hiện hằng năm thuộc lĩnh vực được phân công theo dõi;

b) Phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo lĩnh vực được phân công theo dõi hoặc ủy quyền Lãnh đạo Vụ Khoa học công

nghe và môi trường phê duyệt;

c) Xem xét, cho ý kiến về chuyên môn đối với danh mục nhiệm vụ KH&CN hằng năm thuộc lĩnh vực được phân công theo dõi trước khi trình Bộ trưởng phê duyệt;

d) Quyết định điều chỉnh các nội dung có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực được phân công theo dõi hoặc ủy quyền Lãnh đạo Vụ Khoa học công nghệ và môi trường quyết định điều chỉnh;

đ) Quyết định việc thành lập các hội đồng tư vấn KH&CN và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo lĩnh vực được phân công.

Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của Vụ KHCNMT&VLXD

1. Thống nhất quản lý các nhiệm vụ KH&CN sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ của Bộ Xây dựng.

2. Hướng dẫn, tổ chức triển khai, kiểm tra các nội dung công việc của quy chế này.

3. Chủ trì thảo luận kế hoạch KH&CN hằng năm của Bộ Xây dựng với Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Chủ trì kiểm tra, đánh giá tiến độ và gia hạn tiến độ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN.

5. Thừa lệnh Bộ trưởng ký hợp đồng, điều chỉnh và thanh lý hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Điều chỉnh các nội dung liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu được ủy quyền);

6. Chủ trì xây dựng, quản trị, cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý, lưu giữ, công bố, chuyển giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ KH&CN; Nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn; Thông tin KH&CN.

7. Chủ trì, phối hợp với các Cục, Vụ chức năng của Bộ hướng dẫn, tổ chức việc đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ quản lý KH&CN, thông tin KH&CN;.

8. Xây dựng dự toán chi công tác quản lý các hoạt động KH&CN trình Thứ trưởng phụ trách công tác KH&CN phê duyệt.

Điều 23. Trách nhiệm và quyền hạn của Vụ Kế hoạch - Tài chính

1. Hướng dẫn nghiệp vụ và các quy định pháp luật hiện hành về tài chính, đầu tư cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN.

2. Chủ trì quyết toán các nhiệm vụ KH&CN sau khi nghiệm thu cấp Bộ; thẩm định và trình duyệt phương án xử lý tài sản (nếu có), tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản (nếu có) được hình thành thông qua việc triển khai thực

hiện các nhiệm vụ KH&CN sau khi được phê duyệt.

3. Chủ trì tham mưu giao dự toán trên cơ sở kế hoạch phân bổ dự toán do Vụ KHCNMT&VLXD lập; thẩm tra quyết toán tài chính hằng năm.

4. Phối hợp Vụ KHCNMT&VLXD kiểm tra định kỳ, đột xuất và nghiệm thu sản phẩm của các nhiệm vụ KH&CN.

Điều 24. Trách nhiệm và quyền hạn của Văn phòng Bộ:

1. Văn Phòng Bộ phối hợp với Vụ KHCNMT&VLXD ký hợp đồng và thanh lý hợp đồng với các đơn vị có nhiệm vụ chi được cấp kinh phí qua tài khoản Văn phòng Bộ.

2. Theo dõi, kiểm soát chặt chẽ dự toán được phê duyệt và thanh quyết toán tài chính các nhiệm vụ.

Điều 25. Trách nhiệm và quyền hạn của các Cục, Vụ chức năng và Trung tâm Công nghệ thông tin trực thuộc Bộ

1. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao đề xuất, đặt hàng, thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Cử cán bộ phối hợp với Vụ KHCNMT&VLXD kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

3. Tổ chức tiếp nhận kết quả nghiên cứu và chịu trách nhiệm ứng dụng các kết quả nghiên cứu đã đề xuất đặt hàng.

4. Đối với một số các Chương trình/Dự án/Đề án Chính phủ, có tính chất đặc thù, các Cục, Vụ chức năng chủ trì việc tổ chức, quản lý, theo dõi theo các quy định tại Quy chế này theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

5. Trung tâm Công nghệ thông tin: Tiếp nhận, lưu giữ và công bố thông tin kết quả của các nhiệm vụ KH&CN; Duy trì, vận hành và bảo đảm an toàn, an ninh cho trang thông tin điện tử của Vụ KHCNMT&VLXD.

Điều 26. Yêu cầu, trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì

1. Yêu cầu đối với Tổ chức chủ trì

Các tổ chức có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KH&CN có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp chủ trì thực hiện, trừ một trong các trường hợp sau:

a) Đến thời điểm nộp hồ sơ chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN trước đây;

b) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong vòng 05 năm tính từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm

quyền.

2. Trách nhiệm của Tổ chức chủ trì

a) Ký hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN với cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN;

b) Tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, thiết bị, phòng thí nghiệm, nhà xưởng cho chủ nhiệm vụ và các thành viên nghiên cứu của nhiệm vụ thực hiện nghiên cứu theo đúng nội dung và tiến độ ghi trong thuyết minh nhiệm vụ và hợp đồng thực hiện;

c) Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện tại đơn vị và gửi báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1, Điều 10 của Quy chế này;

d) Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện hoạt động KH&CN của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

đ) Tổ chức tự đánh giá, nghiệm thu đối với các hoạt động KH&CN được giao chủ trì thực hiện;

e) Thu thập, đăng ký, lưu giữ, chuyển giao kết quả và công bố thông tin kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo đúng các quy định hiện hành;

g) Thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ thanh quyết toán;

h) Đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ để bảo hộ kết quả nghiên cứu theo quy định hiện hành;

i) Tiếp nhận quản lý, sử dụng theo quy định đối với tài sản (nếu có) hình thành từ các sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN đúng theo các quy định hiện hành;

k) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng về chất lượng, khối lượng sản phẩm khoa học công bố và việc sử dụng kinh phí.

3. Quyền hạn của Tổ chức chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN

a) Đề xuất nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành;

b) Đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

c) Đề xuất cá nhân chủ nhiệm vụ KH&CN;

d) Tổ chức tự đánh giá, nghiệm thu và giao nộp đủ hồ sơ theo quy định;

đ) Được xác lập quyền sở hữu trí tuệ để bảo hộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ theo quy định hiện hành;

e) Đề xuất chuyển giao kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

Điều 27. Yêu cầu, trách nhiệm, quyền hạn của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Yêu cầu đối với cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN

a) Đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên;

Có chuyên môn, vị trí công tác phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực liên quan với nhiệm vụ trong 03 năm, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

Là người chủ trì xây dựng thuyết minh nhiệm vụ và tham gia hầu hết các nội dung nghiên cứu chính của nhiệm vụ.

Có năng lực tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ.

b) Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp làm chủ nhiệm:

Không đảm bảo thời gian thực hiện toàn bộ nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ; Có kế hoạch học tập hoặc công tác tại nước ngoài từ 03 tháng trở lên;

Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang làm chủ nhiệm từ ba (03) nhiệm vụ KH&CN trở lên (thuộc các loại hình: đề tài, đề án, dự án KH&CN cấp quốc gia, cấp Bộ, cấp tỉnh; đề tài, dự án do các Quỹ về KH&CN của nhà nước tài trợ; ngoại trừ nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn);

Cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ được đánh giá, nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN trong thời hạn 24 tháng kể từ thời điểm có kết luận của hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu;

Cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

Các trường hợp đặc biệt khác do Vụ KHCNMT&VLXD đề xuất và được Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

2. Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN;

b) Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với Tổ chức chủ trì. Cùng tổ chức chủ trì ký hợp đồng với các thành viên thực hiện nhiệm vụ; cùng với tổ chức chủ trì ký hợp đồng với các tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài tổ chức để triển

khai các nội dung nghiên cứu theo quy định hiện hành;

c) Tổ chức thực hiện nghiên cứu theo đúng nội dung tiến độ ghi trong thuyết minh và hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; chấp hành các yêu cầu kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của Tổ chức chủ trì và cơ quan chủ quản;

d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực của kết quả nghiên cứu;

đ) Báo cáo đầy đủ, đúng yêu cầu, đúng thời hạn về nội dung, tiến độ thực hiện, sản phẩm tạo ra và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ KH&CN;

e) Thanh quyết toán kinh phí của nhiệm vụ theo đúng quy định, chuyển giao tài sản cố định, trang thiết bị, phần mềm máy tính, tài liệu nghiên cứu được mua sắm từ kinh phí của nhiệm vụ (nếu có) cho Tổ chức chủ trì quản lý sau khi nhiệm vụ kết thúc;

g) Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành và chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu cho công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm toán khi có yêu cầu;

h) Trực tiếp báo cáo trước Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ về kết quả thực hiện nhiệm vụ;

i) Thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin nhiệm vụ KH&CN;

k) Phối hợp với Tổ chức chủ trì đăng ký quyền sở hữu trí tuệ để bảo hộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN theo quy định;

l) Phối hợp thực hiện chuyển giao kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành.

3. Quyền hạn của chủ nhiệm vụ

a) Kiến nghị với Tổ chức chủ trì tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, thiết bị, phòng thí nghiệm, nhà xưởng để thực hiện nhiệm vụ;

b) Lựa chọn các thành viên tham gia nghiên cứu nhiệm vụ, ký hợp đồng với các tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài tổ chức để triển khai các nội dung nghiên cứu theo quy định hiện hành;

c) Đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ KH&CN với Tổ chức chủ trì;

d) Yêu cầu Tổ chức chủ trì, cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN tổ chức đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ sau khi giao nộp đủ hồ sơ theo quy định;

đ) Được xác lập quyền sở hữu trí tuệ để bảo hộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN theo quy định;

e) Được đề xuất chuyển giao kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

Điều 28. Kinh phí hoạt động KH&CN

1. Kinh phí được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho hoạt động KH&CN của Bộ Xây dựng; các khoản hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động KH&CN từ ngân sách nhà nước được thực hiện theo các hướng dẫn, quy định pháp luật về tài chính hiện hành.

3. Kinh phí hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn thu hợp pháp khác được quản lý, sử dụng và quyết toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại Quyết định số 881/QĐ-BXD ngày 22/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (trước khi sáp nhập) và Quyết định số 672/QĐ- BGTVT ngày 27/5/2024 và Quyết định số 751/QĐ-BGTVT ngày 19/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (trước khi sáp nhập).

Đối với các nhiệm vụ KH&CN đã được tổ chức họp Hội đồng tư vấn lựa chọn tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN và thẩm định dự toán nhưng chưa được phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực thì các bước tiếp theo để phê duyệt được thực hiện theo quy chế này.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Các cơ quan, đơn vị có thể vận dụng Quy chế này để áp dụng hoặc ban hành quy định thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của mình.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Xây dựng để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.